

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **4281** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **28** tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/03/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng;

Căn cứ Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố.

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3668/TTr-SCT ngày 28/7/2023 về việc ban hành Quy định tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội và Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Trưởng ban Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* *Như*

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- CVP, PCVP<sub>N.M.Quận</sub>, KTN, TH;
- Lưu: VT, KTN<sub>Quyết</sub> *M*

40764 - 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Mạnh Quyền*  
Nguyễn Mạnh Quyền

**QUY ĐỊNH**

**Tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với  
các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp,  
công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Quyết định số 4281/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND Thành phố)*

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm tổn thất, giảm mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị mà vẫn bảo đảm nhu cầu, mục tiêu đặt ra đối với quá trình sản xuất. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp và công trình xây dựng là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thành phố Hà Nội.

**Điều 1. Mục đích quy định bộ tiêu chí**

1. Nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở sử dụng năng lượng, áp dụng các biện pháp tiên tiến, sáng tạo để sử dụng năng lượng hiệu quả; hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở, doanh nghiệp phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng hội nhập kinh tế thế hệ mới.

2. Công nhận danh hiệu Cơ sở, Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH cho các đối tượng theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

**Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm:

a) Có mức tiêu thụ năng lượng hàng năm quy đổi từ 1.000 TOE trở lên đối với Cơ sở sản xuất công nghiệp;

b) Có mức tiêu thụ năng lượng hàng năm quy đổi từ 500 TOE trở lên đối với Cơ sở là Công trình xây dựng.

2. Công trình xây dựng đang trong giai đoạn thiết kế hoặc vận hành hoặc cải tạo lại có tổng diện tích sàn từ 2.500 m<sup>2</sup> trở lên.

3. Cơ sở sử dụng nhiều năng lượng trong sản xuất công nghiệp có mức tiêu thụ năng lượng từ 300 TOE (hoặc tương đương với 2.000.000 kWh điện/năm trở lên) đến dưới 1.000 TOE (hoặc tương đương dưới 6.500.000 kWh/năm).

4. Công trình xây dựng (kinh doanh, dịch vụ, nhà ở) có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 2.500 m<sup>2</sup>.

**Điều 3. Điều kiện các cơ sở tham gia, đánh giá công nhận danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH**

1. Điều kiện chung

Các cơ sở tham gia, đánh giá công nhận danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH quy định tại Điều 2 của Quy định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Việc lập hồ sơ công nhận danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH phải đảm bảo tính trung thực, chính xác và tự chịu trách nhiệm.

b) Có đăng ký công nhận danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH theo mẫu phụ lục I, kèm theo các tài liệu có liên quan.

c) Có cam kết không có vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ và các quy định khác của pháp luật liên quan.

## 2. Điều kiện đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm:

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Quy định này, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm còn phải đáp ứng điều kiện sau: Có kế hoạch năm, 05 năm và báo cáo thực hiện kế hoạch năm, 05 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng (Sau đây viết tắt là Thông tư 25/2020/TT-BCT).

3. Điều kiện đối với Công trình xây dựng (đang trong giai đoạn thiết kế hoặc vận hành hoặc cải tạo lại, có tổng diện tích sàn 2.500 m<sup>2</sup> trở lên):

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Quy định này, công trình xây dựng (đang trong giai đoạn thiết kế hoặc vận hành hoặc cải tạo lại, có tổng diện tích sàn 2.500 m<sup>2</sup> trở lên) còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là các công trình được quy định tại mục 1.1 của QCVN 09:2017/BXD theo Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (Sau đây viết tắt là Thông tư 15/2017/TT-BXD).

- Có đầy đủ hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ hoàn công của công trình. Đối với Công trình đang vận hành phải có báo cáo, kế hoạch tình hình sử dụng năng lượng theo Thông tư 25/2020/TT-BCT.

## **Điều 4. Nguyên tắc và thời gian nhận hồ sơ, đánh giá, công nhận**

1. Nguyên tắc đánh giá: Đảm bảo công khai, chính xác, khách quan, công bằng trên cơ sở các tiêu chí đánh giá tại Quy định này.

2. Thời gian nhận hồ sơ của các Cơ sở: Quý II-III hàng năm.

3. Thời gian đánh giá, công nhận: Quý III - IV hàng năm.

4. Thời gian công bố: Quý IV hàng năm.

## **Điều 5. Tiêu chí đánh giá**

Bộ Tiêu chí đánh giá được chia thành 2 nhóm biện pháp: Quản lý năng lượng hiệu quả và Kỹ thuật năng lượng hiệu quả (Các chỉ số hiệu quả năng lượng), cụ thể:

1. Tiêu chí đánh giá cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (theo Phụ lục II và III kèm theo Quy định này).

2. Tiêu chí đánh giá cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH đối với công trình xây dựng (theo phụ lục IV và VI kèm theo Quy định này).

3. Tiêu chí đánh giá cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH trong cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng (Theo Phụ lục V kèm theo Quy định này).

### **Điều 6. Hình thức, danh hiệu, thời hạn công nhận**

1. Danh hiệu sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp (GREEN ENERGY in Major Energy User For Industry):

a) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 5 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 90 đến 100 điểm.

b) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 4 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 80 đến 89 điểm.

c) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 3 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 60 đến 79 điểm.

2. Danh hiệu sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong công trình xây dựng (GREEN ENERGY in Major Energy User For Building):

a) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 5 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 90 đến 100 điểm.

b) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 4 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 80 đến 89 điểm.

c) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 3 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 60 đến 79 điểm.

3. Danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH có tổng diện tích sàn trên 2.500 m<sup>2</sup> (GREEN ENERGY in Building larger than 2500 m<sup>2</sup> of Total Floor Area):

a) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 5 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 90 đến 100 điểm.

b) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 4 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 80 đến 89 điểm.

c) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 3 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 60 đến 79 điểm.

4. Danh hiệu sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH đối với cơ sở sử dụng nhiều năng lượng trong sản xuất công nghiệp (GREEN ENERGY in Large Energy User)

a) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 5 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 90 đến 100 điểm.

b) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 4 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 80 đến 89 điểm.

c) Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 3 sao: Là Cơ sở đạt điểm đánh giá từ 60 đến 79 điểm.

5. Danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 2.500 m<sup>2</sup> (GREEN ENERGY in Building smaller than 2500 m<sup>2</sup> of Total Floor Area):

a) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 5 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 90 đến 100 điểm.

b) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 4 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 80 đến 89 điểm.

c) Công trình đạt danh hiệu Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH 3 sao: Là Công trình đạt điểm đánh giá từ 60 đến 79 điểm.

6. Thời hạn công nhận danh hiệu:

Thời hạn công nhận danh hiệu là 3 năm, kể từ ngày Cơ sở, Công trình xây dựng được công nhận danh hiệu.

### **Điều 7. Quyền lợi của các cơ sở, công trình xây dựng đạt danh hiệu Cơ sở, Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH**

1. Cơ sở, công trình xây dựng đạt danh hiệu Cơ sở, Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH sẽ được cấp giấy công nhận danh hiệu tương ứng với các mức đạt được; tôn vinh, quảng bá hình ảnh rộng rãi trên các phương tiện thông tin của Thành phố; ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến, khuyến công, khuyến nông của Thành phố theo quy định.

2. Các Cơ sở đạt danh hiệu Cơ sở, Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH sẽ được xem xét hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tư vấn tham dự các cuộc thi liên quan đến hiệu quả năng lượng cấp quốc gia hoặc khu vực ASEAN.

### **Điều 8. Kinh phí cho việc tổ chức đánh giá**

1. Kinh phí cho công tác tuyên truyền, quảng bá chương trình; hướng dẫn cơ sở tham gia chương trình; in ấn mẫu biểu, mẫu phiếu đăng ký, thang bảng điểm phục vụ đánh giá xét chọn; trả công cho các chuyên gia của Hội đồng đánh giá; tổ chức Lễ công bố trao danh hiệu cho các cơ sở; công tác xem xét, đối chiếu của Hội đồng đánh giá (khi cần thiết); hỗ trợ cho các cơ sở, doanh nghiệp để tuyên truyền, xây dựng và quảng bá thương hiệu, phân tích hồ sơ, bản vẽ kỹ thuật, thiết lập dữ liệu định mức tiêu hao năng lượng các hệ thống tiêu thụ năng lượng chính, đo lường, tính toán, xây dựng chỉ số hiệu quả năng lượng, ... thực hiện theo các quy định hiện hành và được trích từ nguồn kinh phí Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Thành phố.

2. Kinh phí cho việc thống kê số liệu, vận hành ca máy các trang thiết bị, công nghệ sử dụng năng lượng trong quá trình lập hồ sơ đăng ký tham gia công nhận danh hiệu Cơ sở, Công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH do các Cơ sở tham gia chi trả, tự hạch toán.

### **Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của Thường trực Ban Chủ nhiệm chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Thành phố:

a) Thành lập Hội đồng đánh giá; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng, bộ phận chuyên môn giúp việc Hội đồng.

b) Xem xét, công nhận các danh hiệu theo đề nghị của Hội đồng đánh giá

## 2. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các Cơ sở, Công trình xây dựng liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện bộ Tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; khuyến khích, hướng dẫn các Cơ sở sử dụng nhiều năng lượng trong sản xuất công nghiệp thực hiện bộ Tiêu chí nêu trên.

b) Hỗ trợ các Cơ sở, Công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận các danh hiệu; cải tiến các biện pháp quản lý, kỹ thuật nâng cao hiệu suất năng lượng để nâng hạng danh hiệu;

c) Quản lý sử dụng kinh phí theo Khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

## 3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Hướng dẫn Sở Công Thương thực hiện chế độ tài chính theo quy định hiện hành.

## 4. Trách nhiệm các Sở, ngành liên quan:

Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Công Thương thực hiện Quy định này.

## 5. Trách nhiệm của UBND các quận, huyện:

UBND các quận, huyện phối hợp Sở Công Thương thông báo đến các doanh nghiệp trên địa bàn và hướng dẫn các đơn vị tham gia đánh giá công nhận theo Quy định.

## 6. Trách nhiệm của các Cơ sở tham gia đánh giá:

a) Liên hệ với Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp) để được hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn tham gia (nếu cần) nhằm áp dụng các biện pháp quản lý, kỹ thuật tiên tiến nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu của Cơ sở (Bản đăng ký, bản tự đánh giá và các tài liệu có liên quan theo quy định này) gửi về Sở Công Thương trong quý II - III hàng năm.

c) Đáp ứng các yêu cầu của Hội đồng đánh giá khi cần làm rõ những vấn đề có liên quan đến dữ liệu trong hồ sơ đánh giá của Cơ sở.

## **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh các tổ chức cá nhân phản ánh về Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC I: Mẫu Đăng ký**

*(Tên Cơ sở)*  
Số (Số của văn bản)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**ĐĂNG KÝ**

**Tham gia công nhận danh hiệu Cơ sở/Công trình xây dựng sử dụng  
NĂNG LƯỢNG XANH**

**Kính gửi: Thường trực Ban Chủ nhiệm Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm  
và hiệu quả Thành phố - Sở Công Thương  
(331 Cầu Giấy, Hà Nội)**

Tên Cơ sở: .....Tel:.....Fax: .....Email:.....

Trực thuộc (tên công ty mẹ - nếu có): .....

Địa chỉ: .....

Loại hình hoạt động:.....

*Thời gian khởi công, diện tích sàn xây dựng (đối với công trình xây dựng):.....*

Năm đi vào hoạt động: .....

Tên người đại diện liên lạc: .....Tel:.....Email:.....

*(Tên Cơ sở)* đăng ký tham gia đề nghị công nhận danh hiệu NĂNG LƯỢNG XANH, số điểm tự đánh giá theo bản phụ lục đính kèm.

*(Tên Cơ sở)* cam kết không có vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ và các quy định khác của pháp luật liên quan.

*(Tên Cơ sở)* cam kết hồ sơ đề nghị công nhận đúng với tình hình thực tế của *(Tên Cơ sở)*, đảm bảo các dữ liệu là chính xác; *(Tên Cơ sở)* sẽ đáp ứng các yêu cầu, làm rõ hồ sơ của Hội đồng đánh giá, chấp nhận kết quả đánh giá của Hội đồng.

*(Tên Cơ sở)* đề nghị Hội đồng xem xét, đánh giá, công nhận Cơ sở, công trình xây dựng theo quy định.

Hồ sơ, tài liệu kèm theo gồm:...

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN  
CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ**  
(Ký tên và đóng dấu)



**PHỤ LỤC II:**

**TIÊU CHÍ**

**Đánh giá NĂNG LƯỢNG XANH trong cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đối với sản xuất công nghiệp**

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm đánh giá (tối đa)</b>
<b>1.</b>	<b>Nhóm các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 1:</b> Thực hiện kiểm toán năng lượng (năm thực hiện không quá 3 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>20</b>
1.1	a) Có báo cáo kiểm toán năng lượng theo quy định.	8
	b) Thực hiện tối thiểu 03 giải pháp tiết kiệm năng lượng trong 3 năm.	12
	<b>Tiêu chí 2:</b> Mô hình quản lý năng lượng.	<b>15</b>
1.2	a) Có quyết định thành lập Ban quản lý năng lượng.	8
	b) Có chính sách năng lượng, quy chế hoạt động.	7
1.3	<b>Tiêu chí 3:</b> Nhân lực quản lý năng lượng. Cơ sở có người quản lý năng lượng được cấp chứng chỉ người quản lý năng lượng (Bộ Công Thương cấp).	<b>5</b>
1.4	<b>Tiêu chí 4:</b> Có chứng nhận ISO 50001.	<b>3</b>
<b>2.</b>	<b>Nhóm các biện pháp kỹ thuật năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 5:</b> Tổng mức tiết kiệm thu được từ tất cả các giải pháp (các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, kể từ năm đánh giá).	<b>20</b>
2.1	a) Mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 5% trở lên;	20
	b) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 2% đến dưới 5%;	15
	c) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 1% đến dưới 2%.	10
	<b>Tiêu chí 6:</b> Các giải pháp tiết kiệm năng lượng có mức tiết kiệm cao nhất (căn cứ các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>18</b>
2.2	a) Từ 10% trở lên;	18
	b) Hoặc từ 5% đến dưới 10%;	15
	c) Hoặc từ 3% đến dưới 5%.	10
2.3	<b>Tiêu chí 7:</b> Hiệu quả kinh tế khi thực hiện dự án đầu tư theo	<b>15</b>

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
	thời gian hoàn vốn trung bình (tổng chi phí tiết kiệm/tổng chi phí đầu tư khi thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, tính từ năm đánh giá).	
	a) Từ 0,1 năm đến dưới 2 năm;	15
	b) Hoặc từ 2 năm đến dưới 5 năm;	12
	c) Hoặc từ 5 năm trở lên.	8
2.4	<b>Tiêu chí 8:</b> Sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối.	4
	a) Từ 1% công suất tiêu thụ trở lên;	2
	b) Hoặc dưới 1% công suất tiêu thụ.	1
	c) Có tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện hàng năm của Thành phố	1
	d) Có hệ thống lưu trữ điện năng	1

PHỤ LỤC III:

TIÊU CHÍ

Đánh giá NĂNG LƯỢNG XANH trong cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đối với công trình xây dựng có tổng diện tích sàn trên 2.500 m<sup>2</sup>

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
1.	<b>Nhóm các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 1:</b> Thực hiện kiểm toán năng lượng (năm thực hiện không quá 3 năm, tính từ năm đánh giá).	20
1.1	a) Có báo cáo kiểm toán năng lượng theo quy định.	8
	b) Thực hiện tối thiểu 03 giải pháp tiết kiệm năng lượng trong 3 năm.	12
	<b>Tiêu chí 2:</b> Mô hình quản lý năng lượng.	14
	a) Có quyết định thành lập Ban quản lý năng lượng, quy chế hoạt động của Ban và Chính sách năng lượng.	6
1.2	b) Sử dụng hệ thống quản lý, điều khiển tự động để vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với quy mô công trình.	5
	c) Có chứng nhận ISO 50001.	3
1.3	<b>Tiêu chí 3:</b> Nhân lực quản lý năng lượng. Cơ sở có người quản lý năng lượng được cấp chứng chỉ người quản lý năng lượng (Bộ Công Thương cấp).	5
1.4	<b>Tiêu chí 4:</b> Các thiết bị thuộc danh mục dán nhãn năng lượng phải được sử dụng trong công trình.	10
2.	<b>Nhóm áp dụng các biện pháp kỹ thuật năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 5:</b> Vô công trình.	9
	a) Cách nhiệt tường bao quanh đối với không gian có điều hòa không khí. a.1) Đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100%, các giá trị phải đáp ứng: - Phần tường không xuyên sáng có giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ . - Kính có hệ số SHGC (hệ số hấp thụ nhiệt) đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	3
2.1	a.2) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất sử dụng 100% kính có hệ số SHGC đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	
	a.3) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100% nhưng chỉ đáp ứng 1 giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ của tường không xuyên sáng hoặc hệ số SHGC của kính.	2

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
	b) Cách nhiệt mái (Loại mái chính sử dụng trong công trình): Có giá trị tổng nhiệt trở $R_{o,min} \geq 1,00 \text{ m}^2.K/W$ .	3
	c) Vật liệu công trình.	3
	c.1) Công trình sử dụng gạch không nung.	2
	c.2) Công trình sử dụng kính cách nhiệt Low-E.	1
2.2	<b>Tiêu chí 6:</b> Diện tích thông gió tự nhiên của phòng tối thiểu bằng 5% diện tích sàn sử dụng của phòng tiếp giáp với không gian bên ngoài	3
	<b>Tiêu chí 7: Thiết bị sử dụng năng lượng trong công trình</b>	15
	a) Hệ thống điều hòa không khí.	5
	a.1) Sử dụng hệ thống điều hòa chiller có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.4 của QCVN 09:2017/BXD.	
	a.2) Hoặc sử dụng hệ thống điều hòa VRV/VRF có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.3 của QCVN 09:2017/BXD.	
	a.3) Hoặc sử dụng hệ thống điều hòa không khí cục bộ có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.3 của QCVN 09:2017/BXD.	
2.3	b) Hệ thống chiếu sáng: Mật độ công suất chiếu sáng trung bình trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.5 của QCVN 09:2017/BXD.	4
	c) Động cơ điện trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.6 của QCVN 09:2017/BXD.	3
	d) Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.7, bảng 2.8 của QCVN 09:2017/BXD.	3
	d.1) Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.8 QCVN 09:2017/BXD	2
	d.2) Hoặc Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.7 QCVN 09:2017/BXD	1
	<b>Tiêu chí 8:</b> Tổng mức tiết kiệm thu được từ tất cả các giải pháp (các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, kể từ năm đánh giá).	8
2.4	a) Mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 5% trở lên;	8
	b) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 2% đến dưới 5%;	6
	c) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 1% đến dưới 2%.	4
2.5	<b>Tiêu chí 9:</b> Các giải pháp tiết kiệm năng lượng có mức tiết kiệm cao nhất (các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, kể từ năm đánh giá).	6

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm đánh giá (tối đa)</b>
	a) Từ 10% trở lên;	6
	b) Hoặc từ 5% đến dưới 10%;	4
	c) Hoặc từ 3% đến dưới 5%.	2
2.6	<b>Tiêu chí 10:</b> Hiệu quả kinh tế khi thực hiện dự án đầu tư theo thời gian hoàn vốn trung bình (tổng chi phí tiết kiệm/tổng chi phí đầu tư khi thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>6</b>
	a) Từ 0,1 năm đến dưới 3 năm;	6
	b) Hoặc từ 3 năm đến dưới 5 năm;	4
	c) Hoặc từ 5 năm trở lên.	2
2.7	<b>Tiêu chí 11:</b> Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời hoặc máy phát điện.	<b>4</b>
	a) Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời	1
	b) Công trình có sử dụng máy phát điện	1
	c) Có tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện hàng năm của Thành phố	1
	d) Có hệ thống lưu trữ điện năng	1

PHỤ LỤC IV:

**TIÊU CHÍ**

**Đánh giá NĂNG LƯỢNG XANH trong Công trình xây dựng có tổng diện tích sàn trên 2.500 m<sup>2</sup>**

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
<b>1.</b>	<b>Nhóm các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả</b>	
1.1	<b>Tiêu chí 1:</b> Sử dụng hệ thống quản lý, điều khiển tự động để vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với quy mô công trình.	<b>10</b>
1.2	<b>Tiêu chí 2:</b> Các thiết bị thuộc danh mục dán nhãn năng lượng phải được sử dụng trong công trình.	<b>10</b>
<b>2.</b>	<b>Nhóm các biện pháp kỹ thuật năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 3:</b> Cách nhiệt tường bao quanh đối với không gian có điều hòa không khí.	<b>15</b>
	a) Đối với tường bao quanh đáp ứng giá trị tổng nhiệt trở của tường không xuyên sáng và đạt hệ số hấp thụ nhiệt của kính.	
2.1	a.1) Đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100%, các giá trị phải đáp ứng: - Phần tường không xuyên sáng có giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ . - Kính có hệ số SHGC (hệ số hấp thụ nhiệt) đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	<b>15</b>
	a.2) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất sử dụng 100% kính có hệ số SHGC đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	
	b) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100% nhưng chỉ đáp ứng 1 giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ của tường không xuyên sáng hoặc hệ số SHGC của kính.	<b>10</b>
	<b>Tiêu chí 4:</b> Vật liệu công trình.	<b>8</b>
2.2	a) Công trình sử dụng gạch không nung.	<b>5</b>
	b) Công trình sử dụng kính cách nhiệt Low-E.	<b>3</b>
2.3	<b>Tiêu chí 5:</b> Cách nhiệt mái (Loại mái chính sử dụng trong công trình): Có giá trị tổng nhiệt trở $R_{0,min} \geq 1,00 \text{ m}^2.K/W$ .	<b>10</b>
2.4	<b>Tiêu chí 6:</b> Diện tích thông gió tự nhiên của phòng tối thiểu bằng 5% diện tích sàn sử dụng của phòng tiếp giáp với không gian bên ngoài	<b>10</b>
2.5	<b>Tiêu chí 7:</b> Hệ thống điều hòa không khí.	<b>12</b>

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
	a) Sử dụng hệ thống điều hòa chiller có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.4 của QCVN 09:2017/BXD. b) Hoặc sử dụng hệ thống điều hòa VRV/VRF có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.3 của QCVN 09:2017/BXD. c) Hoặc sử dụng hệ thống điều hòa không khí cục bộ có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.3 của QCVN 09:2017/BXD.	
2.6	<b>Tiêu chí 8:</b> Mật độ công suất chiếu sáng trung bình trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.5 của QCVN 09:2017/BXD.	10
2.7	<b>Tiêu chí 9:</b> Động cơ điện trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.6 của QCVN 09:2017/BXD.	6
	<b>Tiêu chí 10:</b> Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.7, bảng 2.8 của QCVN 09:2017/BXD.	5
2.8	a) Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.8 QCVN 09:2017/BXD	5
	b) Hoặc Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.7 QCVN 09:2017/BXD	3
	<b>Tiêu chí 11:</b> Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời hoặc máy phát điện.	4
2.9	a) Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời	1
	b) Công trình có sử dụng máy phát điện	1
	c) Có tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện hàng năm của Thành phố	1
	d) Có hệ thống lưu trữ điện năng	1

PHỤ LỤC V:

**TIÊU CHÍ**  
**Đánh giá NĂNG LƯỢNG XANH trong cơ sở**  
**sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng**

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm đánh giá (tối đa)
<b>1.</b>	<b>Nhóm các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 1:</b> Thực hiện kiểm toán năng lượng (năm thực hiện không quá 3 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>15</b>
1.1	a) Có báo cáo kiểm toán năng lượng theo quy định.	8
	b) Thực hiện tối thiểu 03 giải pháp tiết kiệm năng lượng trong 3 năm.	7
	<b>Tiêu chí 2:</b> Mô hình quản lý năng lượng.	<b>15</b>
1.2	a) Có quyết định thành lập Ban quản lý năng lượng.	8
	b) Có chính sách năng lượng, quy chế hoạt động.	7
	<b>Tiêu chí 3:</b> Hoạt động nâng cao năng lực; chia sẻ thông tin về các giải pháp hiệu quả năng lượng.	<b>5</b>
1.3	a) Có chia sẻ thông tin lên Website của doanh nghiệp hay các Website chuyên ngành tiết kiệm năng lượng; tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo về các giải pháp hiệu quả năng lượng.	3
	b) Có lắp đồng hồ điện thông minh kết nối, sử dụng dữ liệu để giám sát, điều khiển chế độ năng lượng.	2
<b>2.</b>	<b>Nhóm các biện pháp kỹ thuật năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 4:</b> Tổng mức tiết kiệm thu được từ tất cả các giải pháp (các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, kể từ năm đánh giá).	<b>20</b>
2.1	a) Mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 5% trở lên;	20
	b) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 2% đến dưới 5%;	15
	c) Hoặc mức tiết kiệm năng lượng thực tế đạt được từ 1% đến dưới 2%.	10
	<b>Tiêu chí 5:</b> Các giải pháp tiết kiệm năng lượng có mức tiết kiệm cao nhất (căn cứ các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>15</b>
2.2	a) Từ 10% trở lên;	15
	b) Hoặc từ 5% đến dưới 10%;	10



<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm đánh giá (tối đa)</b>
	c) Hoặc từ 3% đến dưới 5%.	5
2.3	<b>Tiêu chí 6:</b> Hiệu quả kinh tế khi thực hiện dự án đầu tư theo thời gian hoàn vốn trung bình (tổng chi phí tiết kiệm/tổng chi phí đầu tư khi thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vòng 5 năm, tính từ năm đánh giá).	<b>14</b>
	a) Từ 0,1 năm đến dưới 2 năm;	14
	b) Hoặc từ 2 năm đến dưới 5 năm;	12
	c) Hoặc từ 5 năm trở lên.	8
2.4	<b>Tiêu chí 7:</b> Các doanh nghiệp có giải pháp tiết kiệm năng lượng mang tính sáng tạo, độc đáo và có khả năng ứng dụng rộng rãi.	<b>12</b>
	a) Các giải pháp mới mang tính thử nghiệm có hiệu quả;	4
	b) Các giải pháp sáng tạo liên quan đến quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ mới;	4
	c) Các giải pháp có tính nhân rộng.	4
2.5	<b>Tiêu chí 8:</b> Sử dụng năng lượng mặt trời hoặc năng lượng sinh khối.	<b>4</b>
	a) Từ 1% công suất tiêu thụ trở lên;	2
	b) Hoặc dưới 1% công suất tiêu thụ.	1
	c) Có tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện hàng năm của Thành phố	1
	d) Có hệ thống lưu trữ điện năng	1

**PHỤ LỤC VI:**

**TIÊU CHÍ**

**Đánh giá NĂNG LƯỢNG XANH trong Công trình xây dựng có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 2.500 m<sup>2</sup>**

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm Đánh giá (tối đa)
<b>1.</b>	<b>Nhóm các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả</b>	
1.1	<b>Tiêu chí 1:</b> Sử dụng hệ thống quản lý, điều khiển tự động để vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với quy mô công trình.	<b>10</b>
1.2	<b>Tiêu chí 2:</b> Các thiết bị thuộc danh mục dán nhãn năng lượng phải được sử dụng trong công trình.	<b>10</b>
<b>2.</b>	<b>Nhóm các biện pháp kỹ thuật năng lượng hiệu quả</b>	
	<b>Tiêu chí 3:</b> Cách nhiệt tường bao quanh đối với không gian có điều hòa không khí.	<b>15</b>
	a) Đối với tường bao quanh đáp ứng giá trị tổng nhiệt trở của tường không xuyên sáng và đạt hệ số hấp thụ nhiệt của kính.	
2.1	a.1) Đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100%, các giá trị phải đáp ứng: - Phần tường không xuyên sáng có giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ . - Kính có hệ số SHGC (hệ số hấp thụ nhiệt) đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	<b>15</b>
	a.2) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất sử dụng 100% kính có hệ số SHGC đạt yêu cầu theo bảng 2.1 của QCVN 09:2017/BXD.	
	b) Hoặc đối với công trình có tường bao quanh trên mặt đất với tỷ lệ kính <100% nhưng chỉ đáp ứng 1 giá trị tổng nhiệt trở nhỏ nhất $R_{0,min} \geq 0,56 \text{ m}^2.K/W$ của tường không xuyên sáng hoặc hệ số SHGC của kính.	<b>10</b>
	<b>Tiêu chí 4:</b> Vật liệu công trình.	<b>8</b>
2.2	a) Công trình sử dụng gạch không nung.	<b>5</b>
	b) Công trình sử dụng kính cách nhiệt Low-E.	<b>3</b>
2.3	<b>Tiêu chí 5:</b> Cách nhiệt mái (Loại mái chính sử dụng trong công trình): Có giá trị tổng nhiệt trở $R_{0,min} \geq 1,00 \text{ m}^2.K/W$ .	<b>10</b>
2.4	<b>Tiêu chí 6:</b> Diện tích thông gió tự nhiên của phòng tối thiểu bằng 5% diện tích sàn sử dụng của phòng tiếp giáp với không gian bên ngoài	<b>10</b>
2.5	<b>Tiêu chí 7:</b> Hệ thống điều hòa không khí có chỉ số COP đạt yêu cầu theo bảng 2.3 và bảng 2.4 của QCVN 09:2017/BXD.	<b>12</b>

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm Đánh giá (tối đa)
2.6	<b>Tiêu chí 8:</b> Mật độ công suất chiếu sáng trung bình trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.5 của QCVN 09:2017/BXD.	10
2.7	<b>Tiêu chí 9:</b> Động cơ điện trong công trình đạt yêu cầu theo bảng 2.6 của QCVN 09:2017/BXD.	6
2.8	<b>Tiêu chí 10:</b> Công trình có hệ thống đun nước nóng đạt yêu cầu theo bảng 2.7, bảng 2.8 của QCVN 09:2017/BXD.	5
2.9	<b>Tiêu chí 11:</b> Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời hoặc máy phát điện.	4
	a) Công trình có sử dụng năng lượng mặt trời	1
	b) Công trình có sử dụng máy phát điện	1
	c) Có tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện hàng năm của Thành phố	1
	d) Có hệ thống lưu trữ điện năng	1

